



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLOG
ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director))

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm An toàn Bức xạ**
Laboratory: **Center for Radiation Protection**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Viện Khoa Học và Kỹ Thuật Hạt Nhân**
Organization: **Institute for Nuclear Science and Technology**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1595**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: **Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Hữu Quyết**
Laboratory manager: **Nguyen Huu Quyet**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Từ ngày / /2025 đến ngày / /2030**

Địa chỉ/ Address: **179 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội**
179 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Ha Noi capital

Địa điểm/Location: **179 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội**
179 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Ha Noi capital

Điện thoại/ Tel: **(+84) 243 756 4926**

E-mail:

Website **inst.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1595

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Liều kế cá nhân <i>Personal dosimeter</i>	Xác định tương đương liều cá nhân Hp(d) bao gồm: Hp (10), Hp (0,07) <i>Determination of personal dose equivalent, Hp(d):</i> Hp (10), Hp (0,07)	10 μ Sv ~ 10 Sv	INST.M01.14.1 2025 INST.M01.14.2 2025
2.	Trường chuẩn bức xạ tia X <i>X-ray radiation reference field</i>	Xác định Kerma không khí đối với bức xạ tia X, K_{air} <i>Determination of air Kerma for X-ray radiation, K_{air}</i>	15 μ Gy/h ~ 300 mGy/h	INST. M01.10 2025
3.	Trường chuẩn bức xạ tia X <i>X-ray radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều môi trường đối với bức xạ tia X, $H^*(10)$ <i>Determination of ambient dose equivalent for X-ray radiation, $H^*(10)$</i>	18 μ Sv/h ~ 360 mSv/h	INST. M01.10 2025
4.	Trường chuẩn bức xạ tia X <i>X-ray radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều cá nhân đối với bức xạ tia X, $H_p(10)$ <i>Determination of personal dose equivalent for X-ray radiation, $H_p(10)$</i>	10 μ Sv ~ 10 Sv	INST. M01.10 2025
5.	Trường chuẩn bức xạ gamma <i>Gamma radiation reference field</i>	Xác định Kerma không khí đối với bức xạ gamma, K_{air} <i>Determination of air Kerma for gamma radiation, K_{air}</i>	3 μ Gy/h ~ 65 mGy/h	INST. M01.20 2025
6.	Trường chuẩn bức xạ gamma <i>Gamma radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều môi trường đối với bức xạ gamma, $H^*(10)$ <i>Determination of ambient dose equivalent for gamma radiation, $H^*(10)$</i>	4 μ Sv/h ~ 75 mSv/h	INST. M01.20 2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1595

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Trường chuẩn bức xạ gamma <i>Gamma radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều cá nhân đối với bức xạ gamma, $H_p(10)$ <i>Determination of personal dose equivalent for gamma radiation, $H_p(10)$</i>	10 μSv ~ 10 Sv	INST.M01.20 2025
8.	Trường chuẩn bức xạ neutron <i>Neutron radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều môi trường đối với bức xạ neutron, $H^*(10)$ <i>Determination of ambient dose equivalent for neutron radiation, $H^*(10)$</i>	10 $\mu\text{Sv/h}$ ~ 320 $\mu\text{Sv/h}$	INST.M01.30 2025
9.	Trường chuẩn bức xạ neutron <i>Neutron radiation reference field</i>	Xác định tương đương liều cá nhân đối với bức xạ neutron, $H_p(10)$ <i>Determination of personal dose equivalent for neutron radiation, $H_p(10)$</i>	10 μSv ~ 1 Sv	INST.M01.30 2025

Ghi chú/Note:

- INST.M01....: Phương pháp thử do phòng thử nghiệm xây dựng/ Laboratory developed method

Trường hợp Viện Khoa Học và Kỹ Thuật Hạt Nhân cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Khoa Học và Kỹ Thuật Hạt Nhân phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Institute for Nuclear Science and Technology that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

